**NHÓM 3:**

1. **Mai Ngọc Anh - Trường THCS Vĩnh Lộc**
2. **Vũ Thị Dung- Trường THCS Vĩnh Lộc**
3. **Nguyễn Hoa Hồng- Trường THCS Vĩnh Lộc**

**MA TRẬN + BẢN ĐẶC TẢ + ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II KHTN 9**

**A. Ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra cuối học kì II, khi kết thúc nội dung:

+) Phân môn Vật lí: Bài 17. Một số dạng năng lượng tái tạo.

+) Phân môn Hoá học: Bài 35. Khai thác nhiên liệu hóa thạch. Nguồn carbon. Chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu.

+) Phân môn Sinh học: Bài 51. Sự phát sinh và phát triển sự sống trên trái đất.

**- Thời gian làm bài:** 90 phút.

**- Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).

**- Cấu trúc:**

+ Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

+ Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, gồm 20 câu hỏi (ở mức độ Nhận biết: 16 câu, Thông hiểu 4 câu)

+ Phần tự luận: 5,0 điểm (Thông hiểu: 2 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1 điểm)

+ Nội dung nửa đầu học kì: 25% (2,5 điểm)

+ Nội dung nửa học kì sau: 75% (7,5 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mạch nội dung** | **Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | Số  tiết | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | **Tổng số câu/ý** | | **Điểm** | **Phân bổ Điểm số** | **Điểm** (làm tròn) |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **Vật lí** | **Điện - Điện từ** | **Nửa đầu học kì II** | 8 | **3(0,75)** |  |  |  |  |  |  | **3** |  | **2.50** | **0.65** | **0.75** |
| **Hoá học** | **Giới thiệu về chất hữu cơ. Hydrocarbon và nguồn nhiên liệu - Ethylic Alcolhol và Acetic acid - Lipid. Carbohydrate. Protein. Polymer** | **Nửa đầu học kì II** | 16 | **5(1,25)** |  |  |  |  |  |  | **5** |  | **1.29** | **1.25** |
| **Sinh học** | **Di truyền nhiễm sắc thể** | **Nửa đầu học kì II** | 7 | **2(0,5)** |  |  |  |  |  |  | **2** |  | **0.56** | **0.5** |
| **Vật lí** | **Điện Từ** | **Bài 15.** Tác dụng của dòng điện xoay chiều. | 3 |  | 1(0,25) |  |  |  |  | 1(0,5) | 1 | 1/2 | 1.75 | 0.75 | 0.75 |
| **Năng lượng với cuộc sống** | **Bài 16.** Vòng năng lượng trên trái đất. Năng lượng hóa thạch. | 2 |  |  | 1(0,5) |  |  |  |  |  | 1/2 | 0.50 | 0.50 |
| **Bài 17.** Một số dạng năng lượng tái tạo. | 2 | 2(0.5) |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 0.50 | 0.50 |
| **Hoá học** | **Lipid. Carbohydrate. Protein. Polymer** | **Bài 30.** Tinh bột và cellulose. | 2 |  |  |  |  | 1(0,5) |  |  |  | 1/2 | 2.75 | 0.5 | 0.50 |
| **Bài 31.** Protein. | 2 |  | 2(0,5) |  |  |  |  |  | 2 |  | 0.5 | 0.50 |
| **Bài 32.** Polymer. | 2 |  |  |  |  |  |  | 1(0,5) |  | 1/2 | 0.5 | 0.50 |
| **Khai thác tài nguyên từ vỏ trái đất** | **Bài 33.** Sơ lược về hóa học vỏ trái đất và khai thác tài nguyên từ vỏ trái đất. | 1 | 1(0,25) |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 0.25 | 0.25 |
| **Bài 34.** Khai thác đá vôi. Công nghiệp Silicate. | 2 |  |  | 1(0,5) |  |  |  |  |  | 1/2 | 0.5 | 0.50 |
| **Bài 35.** Khai thác nhiên liệu hóa thạch. Nguồn carbon. Chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu. | 2 |  |  |  |  | 1(0,5) |  |  |  | 1/2 | 0.5 | 0.50 |
| **Sinh học** | **Di truyền học với con người và đời sống** | **Bài 47:** Di truyền học với con người | 3 |  | 1(0,25) |  |  | 1(0,5) |  |  | 1 | 1/2 | 3.00 | 0.75 | 0.75 |
| **Bài 48:** Ứng dụng công nghệ di truyền vào đời sống | 2 |  |  |  |  | 1(0,5) |  |  |  | 1/2 | 0.50 | 0.50 |
| **Tiến hoá** | **Bài 49:** Khái niệm tiến hóa và các hình thức chọn lọc | 2 |  |  | 1(0,5) |  |  |  |  |  | 1/2 | 0.50 | 0.50 |
| **Bài 50:** Cơ chế tiến hóa | 3 | 1(0,25) |  | 1(0,5) |  |  |  |  | 1 | 1/2 | 0.75 | 0.75 |
| **Bài 51:** Sự phát sinh và phát triển sự sống trên trái đất**.** | 2 | 2(0,5) |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 0.50 | 0.50 |
| **Tổng câu/ý** | | | **30** | 16 | 4 | 4 | 0 | 4 | 0 | 2 | 20 | 5 | 10.0 | 10.0 | 10.0 |
| **Tổng điểm** | | | | **4** | **1** | **2** | **0** | **2** | **0** | **1** | 25 | |
| % điểm số | | | | 4.0 điểm | 3.0 điểm | | 2.0 điểm | | 1.0 điểm | |

**B. Bản đặc tả**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
| 1. Điện  (4 tiết) | **Nhận biết** | ***Nhận biết***  - Nêu được (không yêu cầu thành lập): Công thức tính điện trở của một đoạn dây dẫn (theo độ dài, tiết diện, điện trở suất); công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch một chiều nối tiếp, song song.  - Nêu được điện trở có tác dụng cản trở dòng điện trong mạch.  - Phát biểu được định luật Ôm đối với đoạn mạch có điện trở.  - Viết được công thức định luật Ohm: I=U/R; Nêu ý nghĩa và đơn vị các đại lượng trong công thức.  - Biết được trong đoạn mạch có các yếu tố nối tiếp:  - Biết được trong đoạn mạch có các yếu tố song song:  - Viết được công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch gồm hai điện trở mắc nối tiếp: Rtđ =R1 + R2  - Viết được công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch gồm hai điện trở mắc song song:  -Nêu được công suất điện định mức của dụng cụ điện (công suất mà dụng cụ tiêu thụ khi hoạt động bình thường).  -Lấy ví dụ để chứng tỏ được dòng điện có năng lượng. |  | **2** |  | C1,2 |
| **Thông hiểu** | - Thực hiện thí nghiệm đơn giản để nêu được điện trở có tác dụng cản trở dòng điện trong mạch.  - Thực hiện thí nghiệm để xây dựng được định luật Ohm: cường độ dòng điện đi qua một đoạn dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn dây và tỉ lệ nghịch với điện trở của nó.  - Lắp được mạch điện và đo được giá trị cường độ dòng điện trong một đoạn mạch điện mắc nối tiếp.  - Lắp được mạch điện và đo được giá trị cường độ dòng điện trong một đoạn mạch điện mắc song song. |  |  |  |  |
|  | **Vận dụng** | - Sử dụng công thức đã cho để tính được điện trở của một đoạn dây dẫn  - Thực hiện thí nghiệm để rút ra được: Trong đoạn mạch điện mắc nối tiếp, cường độ dòng điện là như nhau cho mọi điểm; trong đoạn mạch điện mắc song song, tổng cường độ dòng điện trong các nhánh bằng cường độ dòng điện chạy trong mạch chính.  - Sử dụng công thức đã cho để tính được điện trở tương đương của đoạn mạch một chiều mắc nối tiếp, mắc song song trong một số trường hợp đơn giản.  - Tính được cường độ dòng điện trong đoạn mạch một chiều mắc nối tiếp, mắc song song, trong một số trường hợp đơn giản.  - Tính được năng lượng của dòng điện và công suất điện trong trường hợp đơn giản.  ***Vận dụng cao***  Tính được điện trở tương đương và cường độ dòng điện trong đoạn mạch hỗn hợp  Vận dụng công thức tính điện trở để giải một số bài tập nâng cao |  |  |  |  |
| 2. Điện từ (7 tiết) | **Nhận biết** | - Biết rằng khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây dẫn kín biến thiên thì trong cuộn dây đó xuất hiện dòng điện cảm ứng.  - Nêu được khái niệm của dòng điện xoay chiều.  - Nêu được nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều (dòng điện luân phiên đổi chiều)  - Nêu được dấu hiệu chính để phân biệt dòng điện xoay chiều với dòng điện một chiều.  - Nêu được các tác dụng của dòng điện xoay chiều. |  | **~~1~~** |  | C3 |
| **Thông hiểu** | - Thực hiện thí nghiệm để rút ra được: Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây  - Thực hiện thí nghiệm để nêu được nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều (dòng điện luân phiên đổi chiều).  - Lấy được ví dụ chứng tỏ dòng điện xoay chiều có tác dụng nhiệt, phát sáng, tác dụng từ, tác dụng sinh lí |  | **~~1~~** |  | C17 |
| **Vận dụng** | ***Vận dụng cao***  - Vận dụng nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều để chế tạo được máy phát điện mini, vận hành và giải thích nguyên tắt hoạt động của nó. | **1** |  | C21a |  |
| 3. Năng lượng với cuộc sống  (4 tiết) | **Nhận biết**  **Thông hiểu** | - Nhận biết được các dạng năng lượng trên Trái đất.  +) Nêu được sơ lược ưu điểm và nhược điểm của năng lượng hoá thạch.  +) Nêu được sơ lược ưu điểm và nhược điểm của một số dạng năng lượng tái tạo (năng lượng Mặt Trời, năng lượng từ gió, năng lượng từ sóng biển, năng lượng từ dòng sông). |  | 2 |  | C4,5 |
| - Mô tả vòng năng lượng trên Trái Đất để rút ra được: năng lượng của Trái Đất đến từ Mặt Trời.  -Lấy được ví dụ chứng tỏ việc đốt cháy các nhiên liệu hoá thạch có thể gây ô nhiễm môi trường. | **1** |  | C21b |  |
| **Vận dụng** | - Thảo luận để chỉ ra được giá nhiên liệu phụ thuộc vào chi phí khai thác nó  - Thảo luận để nêu được một số biện pháp sử dụng hiệu quả năng lượng và bảo vệ môi trường. |  |  |  |  |
| 4. Giới thiệu về chất hữu cơ. Hydrocarbon và nguồn nhiên liệu (5 tiết) | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm về alkene.  - Nêu được tính chất vật lí của ethylene.  - Trình bày được một số ứng dụng của ethylene: tổng hợp ethylic alcohol, tổng hợp nhựa polyethylene (PE).  - Nêu được khái niệm, thành phần, trạng thái tự nhiên của dầu mỏ, khí thiên nhiên và khí mỏ dầu.  - Nêu được khái niệm về nhiên liệu, các dạng nhiên liệu phổ biến (rắn, lỏng, khí). |  | 2 |  | C6,7 |
| **Thông hiểu** | - Viết được công thức cấu tạo của ethylene.  - Trình bày được tính chất hoá học của ethylene (phản ứng cháy, phản ứng làm mất màu nước bromine (nước brom), phản ứng trùng hợp. Viết được các phương trình hoá học xảy ra.  - Tiến hành được thí nghiệm (hoặc quan sát thí nghiệm) của ethylene: phản ứng đốt cháy, phản ứng làm mất màu nước bromine, quan sát và giải thích được tính chất hoá học cơ bản của alkene.  -Trình bày được phương pháp khai thác dầu mỏ, khí thiên nhiên và khí mỏ dầu; một số sản phẩm chế biến từ dầu mỏ; ứng dụng của dầu mỏ và khí thiên nhiên (là nguồn nhiên liệu và nguyên liệu quý trong công nghiệp). |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Trình bày được cách sử dụng nhiên liệu (gas, dầu hỏa, than...), từ đó có cách ứng xử thích hợp đối với việc sử dụng nhiên liệu (gas, xăng, dầu hỏa, than…) trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| 5. Ethylic Alcolhol và Acetic acid (7 tiết) | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm và ý nghĩa của độ cồn.  - Nêu được ứng dụng của ethylic alcohol (dung môi, nhiên liệu,…).  - Trình bày được tác hại của việc lạm dụng rượu bia.  - Quan sát mẫu vật hoặc hình ảnh, trình bày được một số tính chất vật lí của ethylic alcohol: trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi.  - Nêu được khái niệm ester và phản ứng ester hoá.  - Trình bày được ứng dụng của acetic acid (làm nguyên liệu, làm giấm).  - Quan sát mẫu vật hoặc hình ảnh, trình bày được một số tính chất vật lí của acetic acid: trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi. |  | 2 |  | C8,9 |
| **Thông hiểu** | - Viết đượccông thức phân tử, công thức cấu tạo và nêu được đặc điểm cấu tạo của ethylic alcohol.  - Trình bày được tính chất hoá học của ethylic alcohol: phản ứng cháy, phản ứng với natri. Viết được các phương trình hoá học xảy ra.  - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm phản ứng cháy, phản ứng với natri của ethylic alcohol, nêu và giải thích hiện tượng thí nghiệm, nhận xét và rút ra kết luận về tính chất hoá học cơ bản của ethylic alcohol.  - Trình bày được phương pháp điều chế ethylic alcohol từ tinh bột và từ ethylene  - Quan sát mô hình hoặc hình vẽ, viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo; nêu được đặc điểm cấu tạo của acid acetic.  - Trình bày được tính chất hoá học của acetic acid: phản ứng với quỳ tím, đá vôi, kim loại, oxide kim loại, base, phản ứng cháy, phản ứng ester hoá, viết được các phương trình hoá học xảy ra.  - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm của acid acetic (phản ứng với quỳ tím, đá vôi, kim loại, oxide kim loại, base, phản ứng cháy, phản ứng ester hoá), nhận xét, rút ra được tính chất hoá học cơ bản của acetic acid.  - Trình bày được phương pháp điều chế acetic acid bằng cách lên men ethylic alcohol, viết được các phương trình hoá học xảy ra. |  |  |  |  |
| 6. Lipid. Carbohydrate. Protein. Polymer (10 tiết) | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm lipid, khái niệm chất béo, trạng thái thiên nhiên, công thức tổng quát của chất béo đơn giản là (R-COO)3C3H5, đặc điểm cấu tạo.  - Trình bày được tính chất vật lí của chất béo (trạng thái, tính tan).  - Nêu được vai trò của lipid tham gia vào cấu tạo tế bào và tích lũy năng lượng trong cơ thể.  - Trình bày được ứng dụng của chất béo.  - Nêu được thành phần nguyên tố, công thức chung của carbohydrate.  - Nêu được công thức phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí (trạng thái, màu sắc, mùi, vị, tính tan, khối lượng riêng) của glucose và saccharose.  - Trình bày được vai trò và ứng dụng của glucose (chất dinh dưỡng quan trọng của nguời và động vật) và của saccharose (nguyên liệu quan trọng trong công nghiệp thực phẩm).  - Nêu được trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí của tinh bột và cellulose.  - Nêu được tầm quan trọng của sự tạo thành tinh bột, cellulose trong cây xanh.  - Nêu được khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử (do nhiều amino acid tạo nên, liên kết peptit) và khối lượng phân tử của protein.  - Trình bày được vai trò của protein đối với cơ thể con người.  - Nêu được khái niệm polymer, monomer, mắt xích…, cấu tạo, phân loại polymer (polymer thiên nhiên và polymer tổng hợp).  - Trình bày được tính chất vật lí chung của polymer (trạng thái, khả năng tan).  - Nêu được khái niệm chất dẻo, tơ, cao su, vật liệu composite và cách sử dụng, bảo quản một số vật dụng làm bằng chất dẻo, tơ, cao su trong gia đình an toàn, hiệu quả.  - Trình bày được ứng dụng của polyethylene. |  | 1 |  | C10 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được tính chất hoá học (phản ứng xà phòng hoá), viết được phương trình hoá học xảy ra.  - Trình bày được tính chất hoá học của glucose (phản ứng tráng bạc, phản ứng lên men rượu), của saccharose (phản ứng thuỷ phân có xúc tác axit hoặc enzyme), viết được các phương trình hoá học xảy ra dưới dạng công thức phân tử.  - Tiến hành được thí nghiệm (hoặc quan sát thí nghiệm) phản ứng tráng bạc của glucose.  - Trình bày được ứng dụng của tinh bột và cellulose trong đời sống và sản xuất, sự tạo thành tinh bột, cellulose và vai trò của chúng trong cây xanh.  - Trình bày được tính chất hoá học của tinh bột và cellulose (xenlulozơ): phản ứng thuỷ phân; hồ tinh bột có phản ứng màu với iodine (iot), viết được các phương trình hoá học của phản ứng thuỷ phân dưới dạng công thức phân tử.  - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm phản ứng thuỷ phân; phản ứng màu với iodine; nêu được hiện tượng thí nghiệm, nhận xét và rút ra kết luận về tính chất hoá học của tinh bột và cellulose (xenlulozơ).  - Trình bày được tính chất hoá học của protein: Phản ứng thuỷ phân có xúc tác acid, base hoặc enzyme, bị đông tụ khi có tác dụng của acid, base hoặc nhiệt độ; dễ bị phân huỷ khi đun nóng mạnh.  - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm của protein: bị đông tụ khi có tác dụng của HCl, nhiệt độ, dễ bị phân huỷ khi đun nóng mạnh.  - Phân biệt được protein (len lông cừu, tơ tằm) với chất khác (tơ nylon).  Viết được các phương trình hoá học của phản ứng điều chế PE, PP từ các monomer. |  | 2 |  | C19,20 |
| **Vận dụng** | -Đề xuất biện pháp sử dụng chất béo cho phù hợp trong việc ăn uống hàng ngày để có cơ thể khoẻ mạnh, tránh được bệnh béo phì.  - Nhận biết được các loại thực phẩm giàu saccharose và hoa quả giàu glucose.  - Ý thức được tầm quan trọng của việc sử dụng hợp lí saccharose.  -Nhận biết được các loại lương thực, thực phẩm giàu tinh bột và biết cách sử dụng hợp lí tinh bột.  ***Vận dụng cao:***  Trình bày được vấn đề ô nhiễm môi trường khi sử dụng polymer không phân huỷ sinh học (polyethylene) và các cách hạn chế gây ô nhiễm môi trường khi sử dụng vật liệu polymer trong đời sống. | **1**  **1** |  | C22a  C22b |  |
| 7. Khai thác tài nguyên từ vỏ trái đất (5 tiết) | **Nhận biết** | - Nêu được hàm lượng các nguyên tố hoá học chủ yếu trong vỏ Trái Đất.  Trình bày được nguồn đá vôi, thành phần chính của đá vôi trong tự nhiên; các ứng dụng từ đávôi: sản phẩm đá vôi nghiền, calcium oxide, calcium hydroxide, nguyên liệu sản xuất xi măng.  - Nêu được một số ứng dụng quan trọng của silicon (silic) và hợp chất của silicon.  - Trình bày được sơ lược ngành công nghiệp silicate.  - Nêu được khái niệm nhiên liệu hoá thạch.  - Nêu được một số giải pháp hạn chế việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch.  - Nêu được một số dạng tồn tại phổ biến của nguyên tố carbon trong tự nhiên (than, kimcương, carbon dioxide, các muối carbonate, các hợp chất hữu cơ).  - Nêu được khí carbon dioxide và methane là nguyên nhân chính gây hiệu ứng nhà kính, sự ấm lên toàn cầu. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được những lợi ích cơ bản về kinh tế, xã hội từ việc khai thác vỏ Trái Đất (nhiênliệu, vật liệu, nguyên liệu); lợi ích của sự tiết kiệm và bảo vệ nguồn tài nguyên, sử dụng vật liệu tái chế, ... phục vụ cho sự phát triển bền vững.  - Mô tả được các công đoạn chính sản xuất đồ gốm, thuỷ tinh, xi măng.  - Trình bày được sản phẩm và sự phát năng lượng từ quá trình đốt cháy than, các hợp chất hữu cơ; chu trình carbon trong tự nhiên và vai trò của carbon dioxide trong chu trình đó.  - Trình bày được nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc nhân tạo của methane (metan). | **1** | 1 | C23a | C11 |
| **Vận dụng** | - Trình bày được lợi ích của việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch và thực trạng của việc khai thác nhiên liệu hoá thạch hiện nay. | **1** |  | C23b |  |
| **8. Di truyền nhiễm sắc thể (8 tiết)** | **Nhận biết** | – Nêu khái niệm nhiễm sắc thể giới tính và nhiễm sắc thể thường. |  | 2 |  | C12,13 |
| **Thông hiểu** | – Nêu được khái niệm đột biến nhiễm sắc thể. Lấy được ví dụ minh hoạ.  – Trình bày được ý nghĩa và tác hại của đột biến nhiễm sắc thể.  – Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ, học liệu điện tử) về quá trình nguyên phân nêu được khái niệm nguyên phân.  – Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ, học liệu điện tử) về quá trình giảm phân nêu được khái niệm giảm phân.  – Trình bày được cơ chế biến dị tổ hợp thông qua sơ đồ đơn giản về quá trình giảm phân và thụ tinh (minh hoạ bằng sơ đồ lai 2 cặp gene).  – Phân biệt được nguyên phân và giảm phân; nêu được ý nghĩa của nguyên phân, giảm phân trong di truyền và mối quan hệ giữa hai quá trình này trong sinh sản hữu tính.  – Nêu được nhiễm sắc thể vừa là vật chất mang thông tin di truyền vừa là đơnvị truyền đạt vật chất di truyền qua các thế hệ tế bào và cơ thể  – Trình bày được cơ chế xác định giới tính. Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính.  – Dựa vào sơ đồ phép lai trình bày được khái niệm di truyền liên kết và phân biệt với quy luật phân li độc lập.  – Nêu được một số ứng dụng về di truyền liên kết trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | – Trình bày được các ứng dụng và lấy được ví dụ của nguyên phân và giảm phân trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| **9. Di truyền học với con người và đời sống**  **(4 tiết)** | **Nhận biết** | – Nêu được một số ví dụ về tính trạng ở người.  – Nêu được khái niệm về bệnh và tật di truyền ở người.  – Kể tên được một số hội chứng và bệnh di truyền ở người (Down (Đao), Turner (Tơcnơ), bệnh câm điếc bẩm sinh, bạch tạng).  – Nêu được vai trò của di truyền học với hôn nhân.  – Nêu được ý nghĩa của việc cấm kết hôn gần huyết thốn |  | 1 |  | C14 |
| **Thông hiểu** | – Trình bày được một số tác nhân gây bệnh di truyền như: các chất phóng xạ từ các vụ nổ, thử vũ khí hạt nhân, hoá chất do công nghiệp, thuốc trừ sâu, diệt cỏ.  – Dựa vào ảnh (hoặc học liệu điện tử) kể tên được một số tật di truyền ở người (hở khe môi, hàm; dính ngón tay).  – Trình bày được quan điểm về lựa chọn giới tính trong sinh sản ở người.  – Nêu được một số ứng dụng công nghệ di truyền trong y học, pháp y, làm sạch môi trường, nông nghiệp, an toàn sinh học.  – Nêu được một số vấn đề về đạo đức sinh học trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ di truyền |  | 1 |  | C18 |
| **Vận dụng** | – Tìm hiểu được một số bệnh di truyền ở địa phương  – Tìm hiểu được tuổi kết hôn ở địa phương.  – Tìm hiểu được một số sản phẩm ứng dụng công nghệ di truyền tại địa phương. | **2** |  | C24a,b |  |
| **10. Tiến hóa** | **Nhận biết** | – Phát biểu được khái niệm tiến hoá.  – Phát biểu được khái niệm chọn lọc tự nhiên.  – Phát biểu được khái niệm chọn lọc nhân tạo.  – Nêu được quan điểm của Lamark về cơ chế tiến hoá |  | 2 |  | C15,16 |
| **Thông hiểu** | – Dựa vào các hình ảnh hoặc sơ đồ, mô tả được quá trình chọn lọc tự nhiên.  – Thông qua phân tích các ví dụ về tiến hoá thích nghi, chứng minh được vai trò của chọn lọc tự nhiên đối với sự hình thành đặc điểm thích nghi và đa dạng của sinh vật.  – Trình bày được một số bằng chứng của quá trình chọn lọc do con người tiến hành đưa đến sự đa dạng và thích nghi của các loài vật nuôi và cây trồng từ vài dạng hoang dại ban đầu.  – Trình bày được quan điểm của Darwin về cơ chế tiến hoá.  – Trình bày được một số luận điểm về tiến hoá theo quan niệm của thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại (cụ thể: nguồn biến dị di truyền của quần thể, các nhân tố tiến hoá, cơ chế tiến hoá lớn)  – Dựa vào sơ đồ, trình bày được khái quát sự phát triển của thế giới sinh vật trên Trái Đất; nguồn gốc xuất hiện của sinh vật nhân thực từ sinh vật nhân sơ; sự xuất hiện và sự đa dạng hoá của sinh vật đa bào.  – Dựa vào sơ đồ, trình bày được khái quát sự hình thành loài người. | **2** |  | C25a,b |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |

1. **ĐỀ KIỂM TRA:**

**I.Phần TN: (5 điểm) *Khoanh vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng.***

**Câu 1: (NB)** Cách làm nào dưới đây có thể tạo ra dòng điện cảm ứng?

A. Nối hai đầu cuộn dây dẫn với hai từ cực của nam châm.

B. Nối hai đầu cuộn dây dẫn với hai cực của pin.

C. Đưa một từ cực của nam châm từ ngoài vào trong một cuộn dây dẫn kín.

D. Đưa một cực của pin từ ngoài vào trong một cuộn dây dẫn kín.

**Câu 2: (NB)** Công suất tiêu thụ của một dụng cụ điện được tính bằng:

A. tổng của hiệu điện thế giữa hai đầu dụng cụ đó và cường độ dòng điện chạy qua nó.

B. thương của hiệu điện thế giữa hai đầu dụng cụ đó và cường độ dòng điện chạy qua nó.

C. tích của hiệu điện thế giữa hai đầu dụng cụ đó và cường độ dòng điện chạy qua nó.

D. hiệu của hiệu điện thế giữa hai đầu dụng cụ đó và cường độ dòng điện chạy qua nó.

**Câu 3: (NB)**Đơn vị nào dưới đây là đơn vị của điện trở?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Ôm () | B. Oát () | C. Ampe () | D. Vôn () |

**Câu 4: (NB)** Nhóm nguồn năng lượng nào sau đây được xem là bền vững và ít tác động tiêu cực đến môi trường?

A. Than đá, dầu mỏ và khí thiên nhiên.

B. Ánh sáng mặt trời, gió và sóng biển.

C. Than đá, nhiên liệu hạt nhân và nhiên liệu hydrogen.

D. Ánh sáng mặt trời, nhiên liệu hạt nhân và dầu mỏ

**Câu 5: (NB)** Nội dung nào sau đây không phải là ưu điểm của các nguồn năng lượng tái tạo?

A. Có trữ lượng vô tận trong tự nhiên.

B. Ít phát thải các chất khí gây ô nhiễm môi trường.

C. Ít tác động tiêu cực đến môi trường sống..

D. Không phụ thuộc vào điều kiện địa lí và thời tiết.

**Câu 6: (NB)** Alkene là những hydrocarbon có đặc điểm

A. mạch hở, có một liên kết ba C≡C. B. mạch vòng, có một liên kết đôi C=C.

C. mạch hở, có một liên kết đôi C=C. D. mạch vòng, chỉ có liên kết đơn.

**Câu 7: (NB)**Thành phần chính của dầu mỏ là

A. dẫn xuất hydrocarbon. B. hydrocarbon.

C. carbon. D. NaCl.

**Câu 8: (NB)** Cho một mẫu sodium vào ống nghiệm đựng ethylic alcohol. Hiện tượng quan sát được là

A. có bọt khí màu nâu thoát ra.

B. mẫu sodium tan dần không có bọt khí thoát ra.

C. mẫu sodium nằm dưới bề mặt chất lỏng và không tan.

D. có bọt khí không màu thoát ra và sodium tan dần.

**Câu 9: (NB)** Acetic acid có công thức là

A. HCOOH.                     B. C2H5COOH.

C. CH2=CHCOOH.          D. CH3COOH.

**Câu 10: (NB)** Polime nào sau đây không phải là polime thiên nhiên?

Poly(vinyl chloride). B. Cellulose. C. Protein. D. Tinh bột.

**Câu 11: (NB)**Thành phần chủ yếu của các khoáng chất trong lớp vỏ cứng của vỏ trái đất là

A. base và acid.                B. oxide và base.         C. oxide và muối.            D. oxide và acid.

**Câu 12: (NB)** Nhiễm sắc thể ở sinh vật nhân thực được cấu tạo gồm

A. ARN và prôtêin loại histôn B. ADN và prôtêin loại histôn

C. ARN và pôlipeptit D. ADN và lipoprôtêin

**Câu 13: (NB)** Ở ruồi giấm, bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội 2n= 8. Số nhóm gen liên kết của loài này là

A. 8. B. 6. C. 4 D. 2.

**Câu 14: (NB)** Bệnh di truyền ở người là

A.các yếu tố ngẫu nhiên.

B.những rối loạn về chức năng của các cơ quan trên cơ thể.

C.những bất thường về hình thái trên cơ thể

D.do đột biến gene và đột biến NST

**Câu 15: (NB)** Sự phát sinh, phát triển của sự sống trên Trái Đất lần lượt trải qua các giai đoạn:

A. Tiến hóa hóa học – tiến hóa sinh học.

B. Tiến hóa hóa học – tiến hóa tiền sinh học - tiến hóa sinh học.

C. Tiến hóa sinh học – tiến hóa hóa học – tiến hóa tiền sinh học.

D. Tiến hóa tiền sinh học – tiến hóa sinh học – tiến hóa hóa học.

**Câu 16: (NB)**Trong các sự kiện sau đây, những sự kiện nào là của giai đoạn tiến hóa hóa học?

(1) Sự xuất hiện các enzim.

(2) Sự hình thành các tế bào sơ khai.

(3) Sự hình thành các phân tử hữu cơ đơn giản từ các chất vô cơ.

(4) Sự hình thành các đại phân tử hữu cơ từ các chất hữu cơ đơn giản.

(5) Sự xuất hiện màng sinh học.

(6) Sự hình thành các đại phân tử có khả năng tự sao chép.

A. (2), (4) và (6) B. (2), (5) và (6) C. (3), (4) và (6) D. (1), (5) và (6)

**Câu 17:(TH)** Nồi cơm điện, bàn là điện, bình đun nước siêu tốc là những dụng cụ hoạt động dựa trên tác dụng nào của dòng điện xoay chiều?

A.Tác dụng từ. B.Tác dụng nhiệt.

C.Tác dụng sinh lý. D.Tác dụng phát sáng.

**Câu 18: (TH)** Những ví dụ nào sau đây chứng minh sự xác định giới tính ở sinh vật còn chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố của môi trường bên ngoài?

(1) Dùng methyl testosterone tác động vào cá vàng cái gây biến đổi kiểu hình thành giới đực.

(2) Cho cá tầm con ăn thức ăn trộn với hormone estradiol để thay đổi giới tính cá tầm thành cá cái.

(3) Sử dụng ánh sáng xanh để sàng lọc trứng gà mang giống đực và giống cái.

(4) Ở rùa tai đỏ (*Trachemys scripta*), nếu trứng được ấp trong điều kiện từ 26 đến 28℃ sẽ nở thành con đực, từ 31 đến 32℃ sẽ nở thành con cái.

Số đáp án đúng là

A. 1. B. 2. **C. 3.** D. 4.

**Câu 19: (TH)**Trong thành phần cấu tạo phân tử của protein ngoài các nguyên tố C, H, O thì nhất thiết phải có nguyên tố :

A. Sulfur. B. Iron. C. Chlorine. D. Nitrogen.

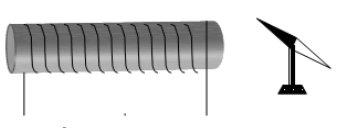
**Câu 20: (TH)** Khi các phân tử amino acid phản ứng với nhau tạo thành protein và giải phóng phân tử

A. NH3. B. CO2. C. H2O. D. N2.

1. **Phần tự luận: (5 điểm)**

**Câu 21: (1 điểm)**

**a. (VDC)**



Đặt một kim nam châm trước một nam châm điện. Nếu dòng điện qua cuộn dây là dòng điện xoay chiều thì có hiện tượng gì sẽ xảy ra?

**b.(TH)** Lấy được ví dụ chứng tỏ việc đốt cháy các nhiên liệu hoá thạch có thể gây ô nhiễm môi trường?

**Câu 22: (1 điểm)**

**a.(VD)**Tính khối lượng của tinh bột cần dùng trong quá trình lên men để tạo thành 5 lít ethylic alcohol 460. Biết hiệu suất của cả quá trình là 72% và khối lượng riêng của ethylic alcohol nguyên chất là 0,8 g/ml.

**b.(VDC)** Các cách hạn chế gây ô nhiễm môi trường khi sử dụng vật liệu polymer trong đời sống để góp phần bảo vệ môi trường bền vững?

**Câu 23: (1 điểm)**

**a.(TH)**Quá trình sản xuất thuỷ tinh, đồ gốm và xi măng có chung các công đoạn nào? Giải thích.

**b.(VD)**Các biện pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính (CO2) trong lĩnh vực sử dụng năng lượng mà nước ta đang thực hiện.

**Câu 24: (1 điểm)**

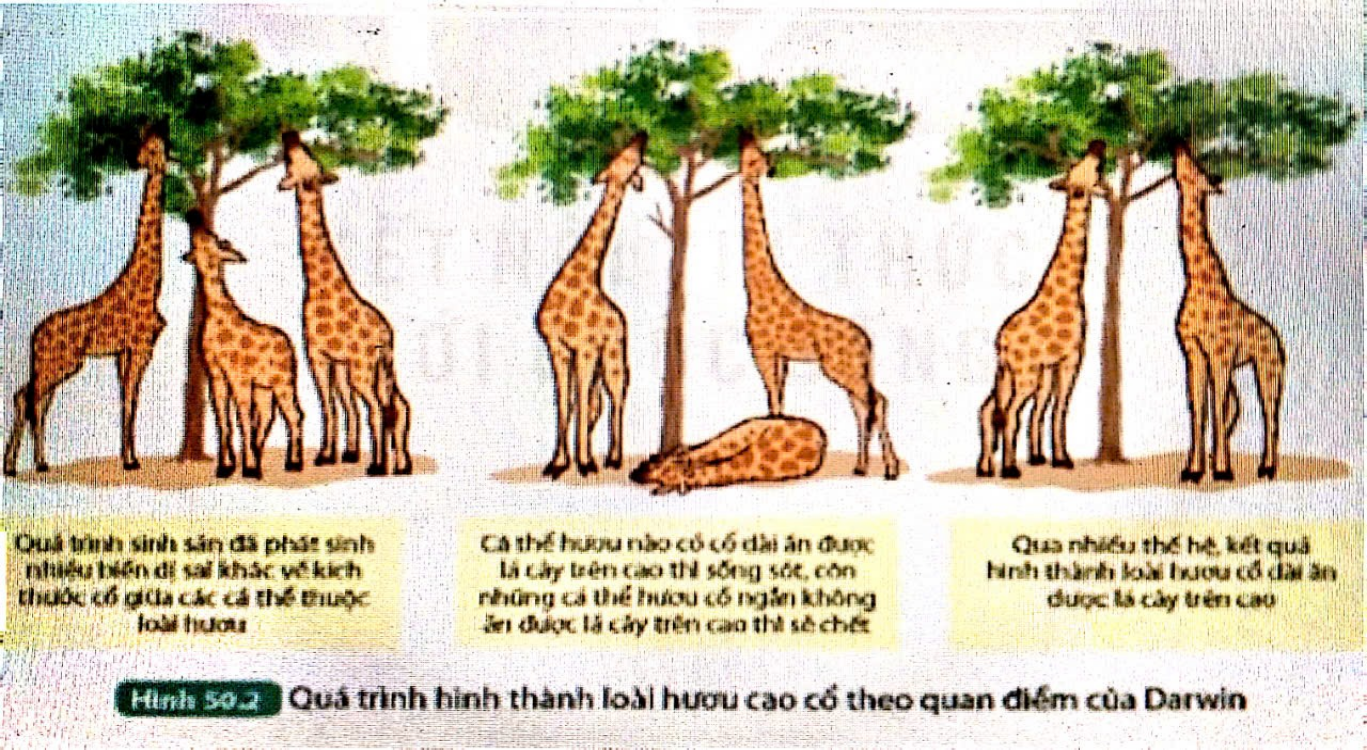
a.(VD) Một gia đình ông A đã có 4 người con gái. Mặc dù đã trên 40 tuổi nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục kế hoạch sinh thêm con với hi vọng sinh con trai. Hai vợ chồng đã thực hiện các biện pháp hỗ trợ và lựa chọn giới tính thai nhi. Vận dụng kiến thức về di truyền học với hôn nhân. Em hãy cho biết những hành vi trong trường hợp trên không đúng với luật hôn nhân và gia đình, chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, không phù hợp với các tiêu chí về hôn nhân dựa trên di truyền học đưa ra.

**b.(VD)** Cho một số ví dụ về ứng dụng công nghệ di truyền trong thực tiễn. Hãy cho biết các ví dụ này thuộc các lĩnh vực nào?

**Câu 25: (1 điểm)**

**a.(TH)** Tại sao chọn lọc tự nhiên chỉ tác động trực tiếp lên kiểu hình mà không tác động lên kiểu gene?

**b.(TH)** Quan sát hình mô tả quá trình hình thành loài hươu cao cổ theo quan điểm của Darwin.



1. **ĐÁP ÁN:**

**I.Phần trắc nghiệm: (5 điểm) Mỗi ý 0,25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Đáp án** | C | C | A | B | D | C | B | D | D | A |
| **Câu hỏi** | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| **Đáp án** | C | B | C | B | B | C | B | B | D | C |

**II.Phần tự luận: (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu/ điểm** | **Đáp án** | **Thang điểm** |
| **Câu 21: (1 điểm)** | a.  - Kim nam châm quay tròn.  -Vì dòng điện qua cuộn dây là dòng xoay chiều, nên cực từ của nam châm điện luân phiên thay đổi. Lực từ tác dụng lên kim nam châm cũng luân phiên thay đổi (hút – đẩy) làm kim nam châm quay tròn.  b.Năng lượng hóa thạch được dự trữ trong các nguồn nhiên liệu hóa thạch ví dụ như: than mỏ, dầu mỏ, khí thiên nhiên và khí mỏ dầu.  -Những nhiên liệu hóa thạch này cần hàng trăm triệu năm để hình thành, trong khi đó, với mức độ tiêu thụ như hiện nay thì chỉ khoảng từ 50 đến 100 năm nữa nguồn nhiên liệu này sẽ cạn kiệt. Đây là những nhiên liệu thải ra nhiều khí CO2 , gây hiệu ứng nhà kính… | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 22: (1 điểm)** | a.Vrượu = 0,46 . 5 = 2,3 lít = 2300 (mL)          b.Cách hạn chế gây ô nhiễm môi trường khi sử dụng vật liệu polymer trong đời sống để góp phần bảo vệ môi trường bền vững:  - Hạn chế rác thải nhựa, phân loại rác tại nguồn  - Sử dụng nhựa phân hủy sinh học | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 23: (1 điểm)** | a.  - Quá trình sản xuất thuỷ tinh, đồ gốm và xi măng có chung các công đoạn ban đầu là cần nghiền, phối trộn hỗn hợp nguyên liệu rồi đem nung.  - Giải thích: Việc nghiền, phối trộn hỗn hợp nguyên liệu sẽ giúp các nguyên liệu được trộn đều. Việc đem nung sẽ giúp loại bỏ các thành phần không mong muốn.  b.Các biện pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sử dụng năng lượng mà nước ta đang thực hiện:  + Sử dụng điều hòa nhiệt độ và thiết bị lạnh hiệu suất cao trong dịch vụ thương mại và gia dụng. Sử dụng đèn thắp sáng tiết kiệm điện.  + Sử dụng thiết bị đun nóng mặt trời. Sử dụng khí sinh học và nhiên liệu sạch thay than trong đun nấu gia đình, … | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 24: (1 điểm)** | a- Hành vi trong trường hợp trên không đúng với luật hôn nhân và gia đình, chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, không phù hợp với các tiêu chí về hôn nhân dựa trên di truyền học đưa ra:  + Sinh quá 2 con, lựa chọn giới tính thai nhi, Sinh con khi tuổi quá cao (trên 40)  -Những hệ luỵ kéo theo:  + Suy giảm sức khoẻ của người mẹ, ảnh hưởng đến việc nuôi dạy các con và kinh tế gia đinh. Làm tăng nguy cơ sinh con mang bệnh, tật di truyền. Mất cân bằng giới tính…  Một số ví dụ về ứng dụng công nghệ di truyền trong thực tiễn, thuộc các lĩnh vực:  + Tạo chủng vi sinh vật có khả năng làm sạch môi trường- Lĩnh vực xử lí ô nhiễm môi trường  + Tác nhân sinh học như vi khuẩn, vi rút gây bệnh thì sử dụng vacxin …Lĩnh vực an toàn sinh học: | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 25: (1 điểm)** | a.Trong tự nhiên chỉ những cá thể nào có kiểu hình phù hợp với môi trường thì được sống sót và sinh sản ưu thế. Những cá thể có kiểu hình không phù hợp sẽ có sức sống và bị đào thải  -Do đó chọn lọc tự nhiên chỉ tác động lên kiểu hình và hệ quả là qua nhiều thế hệ sẽ chọn được kiểu gene chứ không tác động lên kiểu gene  b.Mô tả quá trình hình thành loài hươu cao cổ theo quan điểm của Darwin:   - Quá trình sinh sản đã phát sinh nhiều biến dị sai khác về kích thước cổ giữa các cá thể thuộc loài hươu. Những lá non ở dưới thấp hết dần, cá thể hươu nào có cổ dài ăn được lá cây trên cao thì sống sót, còn những cá thể hươu cổ ngắn không ăn được lá cây trên cao thì sẽ chết.  - Qua nhiều thế hệ, kết quả hình thành loài hươu cổ dài ăn được lá cây trên cao. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**